

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 525/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1177/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Bích N, sinh năm 1991

Thường trú: 35 đường C, Phường T, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Bà Ngô Thị Bích N có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Đại L, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Thường trú: 35 đường C, Phường T, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ tạm trú: 23/12 Đường M, khu phố 2, phường L, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Ngô Thị Bích N trình bày:

Bà và ông Lê Đại L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 02/8/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường T, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Sau kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại địa chỉ: 23/12 Đường M, khu phố 2, phường L, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng là do bà bị lệch lạc về giới tính (bà chỉ có tình cảm với người cùng giới tính). Để tránh những xung đột xảy ra, từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay, bà đã không còn sống chung với ông L. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn ông L.

Bà và ông Lê Đại L có 01 con chung chưa thành niên tên Lê Thiện C, sinh ngày 27/3/2013. Hiện bé đang do ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà đồng ý giao con cho ông L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Ông Lê Đại L đã được Toà án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại Toà án nhưng đều vắng mặt nên Toà án không thể lấy lời khai của bị đơn được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên tòa cùng lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn. Bị đơn ông Lê Đại L có nơi cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Lê Đại L đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên toà sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Đại L.

Bà Ngô Thị Bích N có đơn xin vắng mặt, không tham gia phiên tòa. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Bích N và ông Lê Đại L tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 8, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 02/8/2010. Do đó, căn cứ Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa ông L, bà N là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn ông Lê Đại L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có thể khẳng định mâu thuẫn gia đình của ông L, bà N đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa ông L và bà N không tồn tại tình cảm vợ chồng, không có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ và cùng nhau thực hiện các công việc trong gia đình do hai người không còn sống chung với nhau. Bản thân ông L cũng không thể hiện thiện chí trong việc muốn duy trì quan hệ hôn nhân vì ông đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng tại Toà nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà N. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được ly hôn ông Lê Đại L.

2. Về con chung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cùng lời khai của bà N thể hiện bà và ông L có 01 con chung chưa thành niên tên Lê Thiện C, sinh ngày 27/3/2013. Hiện bé đang do ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét và phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên. Do ông L và bà N không tranh chấp về quyền được nuôi con và hiện con chung đang ở với ông L nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận việc giao con cho ông Lê Ngọc L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông L không có ý kiến và cũng không tranh chấp với nguyên đơn liên quan đến nội dung này. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thị Bích N về việc cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Bích N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề tài sản chung.

5. Về nợ chung: Bà Ngô Thị Bích N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị Bích N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bích N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Bích N được ly hôn với ông Lê Đại L.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Lê Thiện C, sinh ngày 27/3/2013 cho ông Lê Đại L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ngô Thị Bích N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng.

Việc cấp dưỡng nuôi con thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Trường hợp ông Lê Đại L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Ngô Thị Bích N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Bích N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Ngô Thị Bích N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề nợ chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng, tổng cộng số tiền án phí là 600.000 đồng, bà Ngô Thị Bích N phải có nghĩa vụ nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Ngô Thị Bích N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0056104 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ngô Thị Bích N phải có nghĩa vụ đóng thêm số tiền án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Ngô Thị Bích N và ông Lê Đại L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND quận Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, Tp.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

